

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý nhà nước
về hoạt động sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Nghị định 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 89/TTr-SKHCN ngày 28/11/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều I. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về hoạt động sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Cục Sở hữu trí tuệ;
- TT. TU, TT. HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về hoạt động sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị).*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung quản lý nhà nước về hoạt động sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, kiểu dáng công nghiệp, tên thương mại, nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp:

a) Tổ chức thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển hoạt động sở hữu công nghiệp; hướng dẫn nghiệp vụ sở hữu công nghiệp đối với các tổ chức và cá nhân; quản lý chỉ dẫn địa lý, địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý đặc sản địa phương;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tiến hành các thủ tục về sở hữu công nghiệp; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp;

c) Chủ trì triển khai các biện pháp để phổ biến, khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sáng chế, sáng kiến, sáng tạo tại địa phương; tổ chức xét, công nhận các sáng kiến do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản trí tuệ:

Tài sản trí tuệ là các sản phẩm do trí tuệ con người sáng tạo ra thông qua các hoạt động tư duy, sáng tạo trong các lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học và nghệ thuật. Tài sản trí tuệ bao gồm: các tác phẩm văn học nghệ thuật, khoa học; các chương trình biểu diễn của các nghệ sỹ, các bản ghi âm và các chương trình phát sóng; các sáng chế; các kiểu dáng công nghiệp; các bí mật kinh doanh; các nhãn hiệu; chỉ dẫn địa lý; tên thương mại; giống cây trồng mới; thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, v.v...

Chương II

ĐĂNG KÝ, XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Điều 4. Quyền nộp đơn, hồ sơ đơn và thủ tục xác lập quyền, chuyển giao quyền

1. Tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 86, Điều 87 và Điều 88 của Luật Sở hữu trí tuệ có quyền nộp đơn đăng ký xác lập quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp được nêu tại Điều 1 của quy định này.

2. Hồ sơ đơn, thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và thủ tục chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp được thực hiện theo hướng dẫn quy định tại Chương I, Chương II, Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp.

3. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp ra nước ngoài, hồ sơ đơn và thủ tục xác lập quyền được thực hiện theo quy định của nước nhận đơn hoặc theo quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên nếu tổ chức, cá nhân nộp đơn theo Điều ước quốc tế đó.

Điều 5. Cách thức và nơi nộp đơn đăng ký xác lập quyền

1. Tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh có thể nộp đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp theo một trong các cách thức sau:

a) Tìm hiểu thông tin về thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên Website của Cục Sở hữu trí tuệ <http://www.noip.gov.vn>; Công thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị: <http://www.dostquangtri.gov.vn> hoặc phòng Quản lý chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị.

b) Nộp đơn trực tiếp cho Phòng Đăng ký của Cục Sở hữu trí tuệ hoặc nộp đơn cho Văn phòng đại diện của Cục Sở hữu trí tuệ.

c) Nộp đơn thông qua tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp.

2. Tổ chức, cá nhân muốn nộp đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp ở nước ngoài có thể nộp đơn theo các cách thức sau phù hợp với quy định của pháp luật nước nhận đơn và quy định nêu trong Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:

a) Nộp đơn trực tiếp cho cơ quan nhận đơn của nước muốn được bảo hộ thông qua chi nhánh, văn phòng đại diện nếu người nộp đơn có chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động ở nước đó.

b) Nộp đơn thông qua tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp.

c) Nộp đơn thông qua Cục Sở hữu trí tuệ theo quy định của Điều ước quốc tế.

Điều 6. Cơ quan tư vấn, hướng dẫn thủ tục về sở hữu công nghiệp

Tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh có thể liên hệ với các cơ quan, tổ chức sau để được hướng dẫn các thủ tục về sở hữu công nghiệp:

1. Cục Sở hữu trí tuệ.
2. Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Các tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được cấp phép hành nghề đại diện sở hữu công nghiệp.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Điều 7. Quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn

1. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí trong quá trình sản xuất, kinh doanh phải tuân thủ các quy định:

a) Trường hợp sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn là do tác giả thuộc tổ chức tạo ra (nếu như các hoạt động sáng tạo của tác giả không phải là nhiệm vụ của tổ chức giao hoặc không sử dụng kinh phí, phương tiện, vật chất - kỹ thuật của tổ chức mình) thì tổ chức đó cần tạo điều kiện giúp đỡ tác giả để tác giả làm thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí.

b) Trường hợp sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí tạo ra là do thực hiện hợp đồng giữa tổ chức với tác giả hoặc tác giả sáng tạo ra sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là người thuộc tổ chức và trong quá trình sáng tạo có sử dụng kinh phí, phương tiện, vật chất - kỹ thuật do tổ chức cung cấp phục vụ cho mục đích sáng tạo đó trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác thì quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí thuộc về tổ chức.

2. Quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí phải tuân thủ các quy định:

a) Tác giả tạo ra sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí bằng công sức và chi phí của mình.

b) Tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất cho tác giả dưới hình thức giao việc, thuê việc, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác và thỏa thuận đó không trái với quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7.

c) Trong trường hợp sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí được tạo ra bởi nhiều cá nhân, tổ chức hoặc được đầu tư bởi nhiều cá nhân, tổ chức thì các tổ chức, cá nhân đó đều có quyền đăng ký và quyền đăng ký đó chỉ được thực hiện nếu được tất cả các tổ chức cá nhân đó đồng ý.

d) Trong trường hợp sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí được tạo ra trên cơ sở Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật thì tổ

chức, cơ quan nhà nước được giao quyền chủ đầu tư có trách nhiệm đại diện Nhà nước thực hiện quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí.

e) Người có quyền đăng ký quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền chuyển giao quyền đăng ký cho tổ chức, cá nhân khác dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản, để thừa kế hoặc kế thừa theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp đã nộp đơn đăng ký.

3. Tổ chức, cá nhân sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mà không thuộc quyền sở hữu của mình thì phải có trách nhiệm đảm bảo việc sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí không xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp và phải có giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp với chủ sở hữu sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí tại Việt Nam.

Điều 8. Quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa hoặc kinh doanh dịch vụ có sử dụng nhãn hiệu phải bảo đảm nhãn hiệu của mình không xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp và thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Là chủ sở hữu nhãn hiệu tại Việt Nam theo luật định.

b) Có Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng sử dụng nhãn hiệu với chủ sở hữu nhãn hiệu tại Việt Nam.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa có tính chất, chất lượng đặc thù do yếu tố địa lý của khu vực, vùng lãnh thổ trên địa bàn thỏa mãn điều kiện được bảo hộ chỉ dẫn địa lý thì tổ chức tập thể, đại diện cho các tổ chức, cá nhân đó trên địa bàn tỉnh hoặc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tiến hành thủ tục đăng ký chỉ dẫn địa lý cho hàng hóa, sản phẩm đó.

3. Đối với nhãn hiệu chứng nhận nguồn gốc địa lý, đơn đăng ký phải được sự đồng ý của cộng đồng, chính quyền sở tại và kèm theo văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho phép tổ chức, cá nhân đăng ký nhãn hiệu chứng nhận mang dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý (tên địa lý, biểu tượng, bản đồ vùng, địa phương) cho hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu đó.

Điều 9. Quản lý hoạt động Sở hữu công nghiệp trong gia công hàng hóa

Tổ chức, cá nhân nhận gia công hàng hóa (gọi là bên nhận gia công) cho tổ chức, cá nhân khác (gọi là bên đặt gia công) cần thực hiện một trong các quy định dưới đây:

1. Trong hợp đồng gia công hàng hóa, Bên nhận gia công cần có điều khoản ràng buộc đối với Bên đặt gia công phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về đối tượng sở hữu công nghiệp đối với các hàng hóa đặt gia công.

2. Trường hợp trong hợp đồng gia công hàng hóa không có điều khoản quy định nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên đặt gia công phải đáp ứng một trong những điều kiện sau:

a) Là Chủ sở hữu tại Việt Nam theo luật định đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp liên quan đến hàng hóa gia công;

b) Có Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp liên quan đến hàng hóa gia công với Chủ sở hữu tại Việt Nam.

Điều 10. Quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp trong kinh doanh thương mại, đại lý sản phẩm

Tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại, đại lý sản phẩm có trách nhiệm bảo đảm các sản phẩm kinh doanh không xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp và tuân thủ một trong các điều kiện sau:

1. Trong hợp đồng thương mại, hợp đồng đại lý cần có điều khoản ràng buộc về việc chịu trách nhiệm pháp lý đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp của hàng hóa ủy thác.

2. Trường hợp trong hợp đồng thương mại, hợp đồng đại lý không có các điều khoản ràng buộc nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên ủy thác cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Là Chủ sở hữu tại Việt Nam theo luật định đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp của hàng hóa kinh doanh.

b) Có Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp liên quan đến hàng hóa kinh doanh với chủ sở hữu tại Việt Nam.

Điều 11. Quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa

1. Tổ chức, cá nhân có các hoạt động xuất khẩu hàng hóa đối với các sản phẩm là một trong những đối tượng được bảo hộ sở hữu công nghiệp tuân thủ các điều kiện sau:

a) Tìm hiểu kỹ về sở hữu công nghiệp nước sở tại trước khi tiến hành xuất khẩu hàng hóa để bảo đảm hàng hóa xuất khẩu của mình không vi phạm quyền sở hữu công nghiệp tại nước xuất khẩu đến.

b) Tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp cho các hàng hóa sản phẩm của tổ chức hoặc cá nhân tại nước hàng xuất khẩu đến nhằm bảo vệ thị trường hàng hóa cho tổ chức hoặc cá nhân, tránh bị xâm phạm về quyền sở hữu công nghiệp.

2. Tổ chức hoặc cá nhân nhập khẩu hàng hóa có trách nhiệm bảo đảm hàng hóa nhập khẩu không được xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam và phải tuân thủ một trong những điều kiện sau:

a) Chỉ nhập khẩu hàng hóa do chủ sở hữu hoặc người được chuyển giao quyền sử dụng hợp pháp các đối tượng sở hữu công nghiệp liên quan đến hàng hóa nhập khẩu đưa ra thị trường.

b) Là Chủ sở hữu tại Việt Nam theo luật định đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp liên quan đến hàng hóa nhập khẩu.

e) Có Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp liên quan đến hàng nhập khẩu với chủ sở hữu tại Việt Nam.

Điều 12. Quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp đối với hoạt động quảng cáo.

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu quảng cáo và trong nội dung quảng cáo có các đối tượng sở hữu công nghiệp thì phải bảo đảm các đối tượng sở hữu công nghiệp không xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam và phải tuân thủ một trong các điều kiện sau đây:

1. Là Chủ sở hữu tại Việt Nam theo luật định đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp cần quảng cáo.

2. Có Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp cần quảng cáo với chủ sở hữu hợp pháp tại Việt Nam.

Điều 13. Quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp đối với các dự án đầu tư và chuyển giao công nghệ

Các dự án có vốn đầu tư nước ngoài, đầu tư trong nước, dự án chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh có bao gồm việc sử dụng, chuyển giao các đối tượng sở hữu công nghiệp hoặc góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sở hữu công nghiệp, hàng các bí quyết công nghệ thì việc xem xét góp vốn và chuyển giao các đối tượng sở hữu công nghiệp, bí quyết công nghệ phải được thực hiện theo pháp luật về sở hữu công nghiệp và phải được tiến hành đăng ký với cơ quan có thẩm quyền trước khi tiến hành việc chuyển giao công nghệ.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động sở hữu công nghiệp, thực hiện các nội dung sau đây:

1. Xây dựng, ban hành hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách, biện pháp thúc đẩy hoạt động sở hữu công nghiệp.

2. Tổ chức đào tạo, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật và sở hữu công nghiệp.

3. Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiến hành các thủ tục về sở hữu công nghiệp.

4. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sở hữu công nghiệp. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo và xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo thẩm quyền.

5. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp và xử lý các vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp theo thẩm quyền.

6. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm phát triển các tài sản trí tuệ của tỉnh.

7. Quản lý chỉ dẫn địa lý thuộc tỉnh, kể cả địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý đặc sản của tỉnh Quảng Trị. Tiếp nhận và xử lý các yêu cầu sử dụng địa danh trong nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

8. Chủ trì triển khai các biện pháp để phổ biến, khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sáng chế, sáng kiến, sáng tạo tại tỉnh. Tổ chức xét, công nhận các sáng kiến của các tổ chức, cá nhân do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất-kỹ thuật trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức các hoạt động thông tin, thống kê về sở hữu công nghiệp.

10. Quản lý các hoạt động dịch vụ liên quan đến sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

11. Tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế về sở hữu công nghiệp.

12. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ về hoạt động sở hữu công nghiệp.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc quản lý các đối tượng sở hữu công nghiệp liên quan đến hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý.

2. Rà soát các loại sản phẩm nông lâm sản, để khuyến khích hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xác lập quyền sở hữu công nghiệp.

3. Thông tin cho Sở Khoa học và Công nghệ về hoạt động sở hữu công nghiệp thuộc lĩnh vực mình quản lý.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Hướng dẫn việc chấp hành chính sách, pháp luật về sở hữu công nghiệp trong hoạt động quảng cáo (trừ hoạt động quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính và xuất bản phẩm);

2. Cho phép các tổ chức, cá nhân có nhu cầu được tiến hành các hoạt động quảng cáo liên quan đến các đối tượng sở hữu công nghiệp khi có các văn bằng, tài liệu chứng minh việc sử dụng hợp pháp các đối tượng sở hữu công nghiệp hoặc khi có cam kết của tổ chức, cá nhân về việc không xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;

3. Phát hiện, thông tin kịp thời và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan trong việc xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp liên quan đến hoạt động quảng cáo.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Hướng dẫn việc chấp hành, chính sách, pháp luật về sở hữu công nghiệp trong lĩnh vực in ấn; xuất bản; quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính và xuất bản phẩm.

2. Phát hiện, thông tin kịp thời và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan trong việc xử lý các hành vi vi phạm quyền sở hữu công nghiệp liên quan đến hoạt động in ấn; xuất bản; quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính và xuất bản phẩm.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ phát hiện và xử lý các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh có hành vi đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại của người khác đã được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Công Thương

Sở Công Thương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nội dung sau đây:

1. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sở hữu công nghiệp và xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp trong hoạt động sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng trong việc thực hiện đấu tranh chống hàng giả, gian lận thương mại và xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện các hoạt động nhằm giới thiệu, quảng bá và xúc tiến thương mại cho các sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của tỉnh Quảng Trị ở trong và ngoài nước.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quản lý về sở hữu công nghiệp thông qua việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho các doanh nghiệp và thẩm định các dự án đầu tư theo thẩm quyền, cụ thể:

1. Đối với việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cần đảm bảo việc sử dụng tên thương mại của các tổ chức không xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để xử lý đối với trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/09/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trong quá trình thẩm định các dự án đầu tư có sử dụng công nghệ là đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp thì việc chuyển giao quyền sở hữu công nghệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ phải được đảm bảo thực hiện cùng với việc chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật về sở hữu công nghiệp.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện các dự án tăng cường năng lực phục vụ công tác quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp của tỉnh Quảng Trị.

Điều 20. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Phát hiện, thu thập, xác minh thông tin, chứng cứ của hành vi vi phạm pháp luật sở hữu công nghiệp và cung cấp, phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý vi phạm theo quy định.

2. Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan trong các hoạt động bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp.

Điều 21. Trách nhiệm của Cục Hải quan Quảng Trị

1. Thực hiện các biện pháp kiểm tra, giám sát hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh đảm bảo chấp hành các quy định của pháp luật về sở hữu công nghiệp.

2. Xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo thẩm quyền.

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác

Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc thực thi pháp luật về sở hữu công nghiệp thuộc lĩnh vực mình phụ trách:

1. Tổ chức, quản lý các hoạt động sở hữu công nghiệp của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc phạm vi mình quản lý.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đăng ký, bảo hộ, quản lý và khai thác các đối tượng sở hữu công nghiệp.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về sở hữu công nghiệp tại địa phương bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn đăng ký, bảo hộ, quản lý và khai thác các đối tượng sở hữu công nghiệp của các sản phẩm truyền thống, sản phẩm đặc sản gắn liền với tên địa danh của các làng nghề trên địa bàn tỉnh.

Điều 24. Cơ chế phối hợp quản lý về sở hữu công nghiệp

Theo yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể, các cơ quan quy định từ Điều 14 đến Điều 23 có trách nhiệm phối hợp quản lý về sở hữu công nghiệp như sau:

1. Phân công cán bộ lãnh đạo phụ trách và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp, đồng thời làm đầu mối phối hợp công tác với các đơn vị có liên quan.

2. Thực hiện chế độ cung cấp thông tin theo định kỳ (6 tháng, hàng năm) hoặc đột xuất cho Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình hoạt động sở hữu công nghiệp, đặc biệt là công tác chống hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

3. Tham dự các phiên họp về sở hữu công nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ triệu tập và chuẩn bị các tài liệu cần thiết theo yêu cầu.

4. Cử cán bộ, chuyên viên của đơn vị mình tham gia giải quyết các công việc chung, tham gia đoàn thanh tra hoặc kiểm tra khi có yêu cầu.

5. Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ về sở hữu công nghiệp cho cán bộ của cơ quan mình; cử cán bộ tham gia các đợt thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin hoặc kết luận giám định về sở hữu công nghiệp để phục vụ cho việc xử lý các hành vi vi phạm quyền sở hữu công nghiệp.

7. Thực hiện thống nhất, đồng bộ các biện pháp tuyên truyền các chính sách về sở hữu công nghiệp và đẩy mạnh phong trào thi đua sáng tạo có chất lượng và hiệu quả.

8. Trao đổi, cung cấp thông tin về bảo hộ, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp của các ngành trên địa bàn tỉnh.

9. Sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về sở hữu công nghiệp, đồng thời đề ra những giải pháp hữu hiệu để thực hiện có hiệu quả.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu công nghiệp được các cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định;

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong hoạt động sở hữu công nghiệp và các quy định tại Quy định này thì tùy theo tính chất mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Khiếu nại, tố cáo

Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại về xác nhận đăng ký, từ chối xác nhận đăng ký hoặc thu hồi đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp và có quyền tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

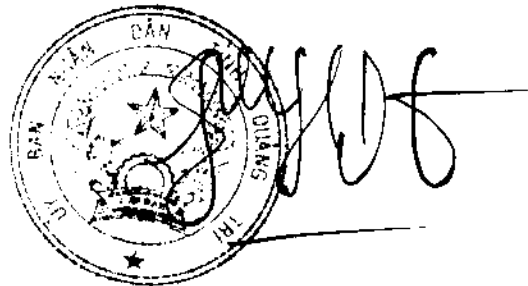
1. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Quy định này.

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Quy định này.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy định để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vấn đề gì vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị thông tin về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính